

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2019

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiên Tịnh
2. Ông Đinh Trung Đô

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Thanh T – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đặng Thanh T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Quang A, sinh ngày 23/8/2015 hiện đang ở với anh T, anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc anh làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị P là: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về cách sống và suy nghĩ từ những vấn đề nhỏ đến lớn trong cuộc sống, không hiểu và cảm thông cho nhau. Sau khi sinh con, mâu thuẫn vẫn không chấm dứt mà vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình ngột ngạt. Năm 2016 anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm đến đối phương. Tình cảm và cuộc sống hôn nhân không còn duy trì nên anh làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Quang A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có. Trong thời gian chung sống có mâu thuẫn nhưng anh chị tự giải quyết, không nhờ đến sự hòa giải ở cơ sở, vì sau khi kết hôn anh chị không sống chung với gia đình chồng mà lên thành phố Hồ Chí Minh để làm việc.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị P, chị P không hợp tác làm việc, tuy nhiên chị có văn bản trình bày ý kiến đề ngày 27/6/2019 (có xác nhận của địa phương) nội dung như sau: Chị đã nhận được thông báo của tòa án nhưng vì lý do công việc không thể có mặt vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn và giao cháu Quang A cho anh Tnuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Thanh T. Về con chung: Giao cháu Đặng Quang A cho anh Tnuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không có. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đặng Thanh T phải nộp 300.000đ tiền án phí DSST về việc “Ly hôn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35,

Khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Đặng Thanh T và chị Nguyễn Thị P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, TAND huyện Đăk Mil xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa Anh Đặng Thanh T và chị Nguyễn Thị P là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả là anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, anh chị không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy căn cứ vào thực tế hôn nhân của anh chị, xác định mâu thuẫn giữa các đương sự là có thật, vợ chồng anh T và chị P đã vi phạm nguyên tắc quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm do có nhiều mâu thuẫn. Và chị thuận tình ly hôn theo yêu cầu của anh Đặng Thanh T. Các đương sự thuận tình ly hôn, tuy nhiên, do chị P vắng mặt nên không có căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil về việc đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Phương T là có căn cứ.

Do đó, HĐXX nghĩ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ, xử cho anh Đặng Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác định cháu Đặng Quang A đang sống cùng anh Đặng Thanh T, anh T có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu, chị P cũng đồng ý, do đó, HĐXX nghĩ cần giao cháu Đặng Quang A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp quy định pháp luật. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung; Nợ chung: Không có

[5] Về án phí DSST: anh Đặng Thanh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều

228, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quang A – sinh ngày 23/8/2015 cho anh Đặng Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

*/Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung. Nợ chung: Không có.

4. Về án phí DSST: anh Đặng Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001604 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện K
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận

